

Số: /KH-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình “Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 24/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ “Ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 10/7/2024 của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn (gọi tắt là Quyết định 326/QĐ-TTg); Quyết định số 328/QĐ-TTg ngày 24/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn đến năm 2030” (gọi tắt là Quyết định 328/QĐ-TTg); trên cơ sở tham mưu của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 792/TTr-SGDĐT ngày 26/4/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình “Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức quán triệt, triển khai kịp thời, thống nhất và hiệu quả các nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 10/7/2024 của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và Kế hoạch này bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

b) Tạo chuyển biến mạnh mẽ, nâng cao nhận thức xã hội về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của đào tạo nghề cho lao động nông thôn đối với phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, nâng cao dân trí và đời sống của người dân nông thôn.

c) Làm cơ sở để các sở, ban, ngành và UBND cấp xã xác định nhiệm vụ trọng tâm, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai Kế hoạch phải được thực hiện kịp thời, đồng bộ, thống nhất, cụ thể hóa đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Tổ chức đào tạo nghề phải gắn với nhu cầu của thị trường lao động, nhu cầu của doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh và nhu cầu học nghề

của người lao động, bảo đảm sau đào tạo người học có việc làm, tự tạo việc làm hoặc nâng cao năng suất, thu nhập.

c) Nội dung đào tạo nghề cần bám sát định hướng phát triển kinh tế của tỉnh, ưu tiên các ngành nghề phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chế biến nông sản, dịch vụ nông thôn, du lịch cộng đồng, ngành nghề truyền thống và các ngành nghề có tiềm năng tạo việc làm bền vững cho lao động nông thôn.

d) Kết hợp nguồn ngân sách trung ương, địa phương, và các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai hiệu quả Kế hoạch; đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải.

đ) Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan; kịp thời chỉ đạo, đôn đốc, giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong việc triển khai, tổ chức thực hiện đảm bảo mục đích, yêu cầu đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, góp phần nâng cao trình độ kỹ năng nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo hướng giảm lao động trong nông nghiệp, tăng lao động trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển kinh tế nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống người dân, đặc biệt là lao động ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Tổ chức đào tạo nghề gắn với nhu cầu của thị trường lao động, nhu cầu của doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất, kinh doanh; bảo đảm đào tạo thiết thực, hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi bền vững.

Hỗ trợ các địa phương xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế, mô hình kinh tế nông thôn gắn với đào tạo nghề như: sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản, du lịch cộng đồng, kinh tế hợp tác và phát triển sản phẩm OCOP.

2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Bình quân hàng năm đào tạo, đào tạo lại, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho khoảng 16.000 lao động nông thôn, trong đó, đào tạo nghề phi nông nghiệp chiếm khoảng 60%, đào tạo nghề nông nghiệp, phát triển ngành nghề nông thôn chiếm khoảng 40%; số lao động nông thôn là nữ được đào tạo nghề chiếm trên 30%, người khuyết tật có nhu cầu được hỗ trợ học nghề, tạo việc làm chiếm khoảng 2%, người dân tộc thiểu số trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và đặc thù của vùng dân tộc thiểu số chiếm khoảng 60%.

b) Tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo đạt trên 85%.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi

Kế hoạch thực hiện trên phạm vi cả tỉnh, ưu tiên thực hiện tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển; xã, thôn, buôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã xây dựng nông thôn mới và xây dựng nông thôn mới hiện đại.

2. Đối tượng

a) Người lao động ở khu vực nông thôn là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên có khả năng lao động và có nhu cầu làm việc, đang sinh sống, làm việc tại các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh.

b) Nhà giáo, người dạy nghề cho lao động nông thôn, cán bộ quản lý trong các cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn, cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp.

c) Cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

d) Khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp, chuyên gia và các đơn vị đào tạo ngoài công lập trong việc triển khai các chương trình đào tạo, tư vấn, ươm tạo khởi nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức về vai trò của đào tạo nghề cho lao động nông thôn

a) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đặc biệt là nội dung Chỉ thị số 37-CT/TW và các văn bản liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn tỉnh.

b) Đẩy mạnh tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa của đào tạo nghề nông thôn đối với phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu lao động, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và nâng cao đời sống người dân nông thôn; gắn công tác tuyên truyền với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và nhu cầu thị trường lao động.

c) Đổi mới, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, các nền tảng số và phương tiện truyền thông đại chúng nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền; đồng thời giới thiệu, nhân rộng các mô hình đào tạo nghề hiệu quả, các gương điển hình sau học nghề.

d) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương với công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tổ chức các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp cho người lao động; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực trong công tác đào tạo nghề.

đ) Tổ chức các chương trình giáo dục hướng nghiệp, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo cho học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh; xây dựng câu lạc bộ khởi

ng nghiệp trong các trường phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học.

2. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức trong đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn

a) Các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp xã xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2026–2030 phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và nhu cầu của thị trường lao động.

b) Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và tạo việc làm cho lao động nông thôn; ưu tiên hỗ trợ đào tạo nghề cho người thuộc diện chính sách, người có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, lao động bị thu hồi đất, lao động ở vùng khó khăn, thanh niên, lao động trong các khu công nghiệp, người cao tuổi có đủ sức khỏe có nhu cầu tham gia thị trường lao động.

c) Tổ chức đào tạo nghề theo hướng linh hoạt, phù hợp với điều kiện của địa phương và người học; đa dạng hóa các hình thức đào tạo như đào tạo tập trung, vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn, đào tạo kèm cặp nghề tại cơ sở sản xuất.

d) Nâng cao hiệu quả công tác tư vấn hướng nghiệp, giới thiệu việc làm; gắn đào tạo nghề với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

đ) Triển khai đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch này gắn với thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030; Quyết định số 2776/QĐ-TTg ngày 24/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao người dân tộc thiểu số trong một số ngành, lĩnh vực trọng điểm giai đoạn 2026 - 2035, định hướng đến năm 2045” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và các Chương trình, Kế hoạch, Đề án khác về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

e) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; nâng cao tính tự chủ của cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong việc tự kiểm tra, giám sát.

3. Bảo đảm nguồn lực thực hiện nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn

a) Bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước và lồng ghép các chương trình, dự án để thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

b) Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, phương tiện vận chuyển lưu động cho các cơ sở giáo dục công lập tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Trong đó, ưu tiên các cơ sở đào tạo tại các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn.

c) Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tham gia đầu tư, phối hợp đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

d) Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội địa phương để thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp, người sử dụng lao động ở khu vực nông thôn. Các doanh nghiệp, người sử dụng lao động tích cực tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, phát triển kỹ năng nghề, đào tạo kỹ năng nghề tại nơi làm việc. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp ở khu vực nông thôn để huy động sự tham gia của toàn xã hội trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục nghề nghiệp, góp phần thực hiện thành công đột phá chiến lược về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

đ) Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu đào tạo nghề theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

4. Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn

a) Thường xuyên cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và điều kiện phát triển kinh tế của tỉnh; lồng ghép các nội dung về đạo đức nghề nghiệp, kiến thức về an toàn vệ sinh lao động, pháp luật, kinh doanh, khởi nghiệp, các kỹ năng mềm và đổi mới sáng tạo cho lao động nông thôn đáp ứng với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trong chương trình đào tạo.

b) Xây dựng, rà soát và cập nhật danh mục ngành, nghề đào tạo cho lao động nông thôn; xác định nhu cầu học nghề của lao động nông thôn theo từng nghề, khu vực, cấp trình độ và nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề (số lượng, trình độ, ngành nghề đào tạo) của doanh nghiệp, các ngành kinh tế và thị trường lao động; xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; ưu tiên các nghề phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chế biến nông sản, du lịch, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề có nhu cầu sử dụng lao động cao tại địa phương.

c) Xác định năng lực đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn gồm: mạng lưới, nghề đào tạo, chương trình, học liệu, người dạy và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cơ sở vật chất thiết bị dạy nghề, người làm công tác quản lý đào tạo tại doanh nghiệp.

d) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng dạy học, kỹ năng giảng dạy kiến thức an toàn vệ sinh lao động, kiến thức kinh doanh và khởi sự doanh nghiệp và các kỹ năng nghiệp vụ khác cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp; huy động sự tham gia của doanh nghiệp, nhà khoa học, nghệ nhân, người sản xuất giỏi trong hoạt động đào tạo nghề.

đ) Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề, phương tiện vận chuyển lưu động cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Trong đó, ưu tiên các cơ sở đào tạo tại các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn.

e) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong đào tạo nghề; phát triển học liệu số, bài giảng điện tử và các nền tảng học tập trực tuyến nhằm hỗ trợ người lao động tiếp cận các chương trình đào tạo linh hoạt.

f) Tổ chức các chương trình đào tạo khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho lao động nông thôn; hỗ trợ hình thành các mô hình khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và tổ hợp tác dựa trên tài nguyên địa phương, sản phẩm OCOP, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch cộng đồng và các ngành nghề truyền thống.

5. Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho lao động nông thôn

a) Tổ chức đào tạo nghề theo yêu cầu của thị trường lao động; đào tạo nghề cho người lao động để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng; đào tạo chuyển đổi nghề; đào tạo phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển hợp tác xã, làng nghề; đào tạo cập nhật kiến thức, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề, kỹ năng số cho người lao động để có việc làm thường xuyên, thu nhập ổn định.

b) Chú trọng hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng cho người thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người có đất bị thu hồi, ngư dân, người lao động ở xã đặc biệt khó khăn, lao động bị mất việc làm do ảnh hưởng bởi dịch bệnh và các đối tượng lao động nông thôn khác theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

c) Tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn nhằm tạo cơ hội cho người lao động nâng cao trình độ kỹ năng phù hợp với điều kiện của người học, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Tiếp tục triển khai đào tạo nghề gắn với hoàn thiện kiến thức văn hóa trong các trường trung cấp, cao đẳng và tổ chức đào tạo trung học nghề cho thanh niên nông thôn.

6. Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, hợp tác xã trong tổ chức đào tạo và tạo việc làm cho lao động nông thôn

a) Xây dựng các mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động ở từng vùng, từng địa phương; tăng cường liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm và doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả kết nối cung - cầu lao động.

b) Huy động sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã trong việc xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo; tổ chức đào tạo, tuyển sinh, tuyển dụng sau đào tạo, xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn kỹ năng nghề và đánh giá, công nhận trình độ kỹ năng nghề cho người lao động gắn với cơ chế trả lương, sử dụng lao động có kỹ năng trong doanh nghiệp.

7. Hợp tác quốc tế trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn

a) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và hội nhập quốc tế.

b) Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp nước ngoài trong việc trao đổi kinh nghiệm quản lý, xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề cho đội ngũ nhà giáo và người lao động.

c) Tăng cường tham gia các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp; tiếp nhận hỗ trợ về chương trình đào tạo, trang thiết bị, công nghệ và phương pháp đào tạo tiên tiến; đẩy mạnh liên kết đào tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động.

d) Từng bước mở rộng hợp tác đào tạo các ngành, nghề có tiềm năng tham gia thị trường lao động ngoài nước; hỗ trợ người lao động nông thôn nâng cao kỹ năng nghề, ngoại ngữ và tác phong công nghiệp, tạo điều kiện tham gia thị trường lao động trong và ngoài nước.

8. Kiểm tra, giám sát, đánh giá

a) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn tỉnh; xây dựng các tiêu chí, chỉ số theo dõi, đánh giá nhằm bảo đảm việc thực hiện Kế hoạch đạt hiệu quả, đúng mục tiêu đề ra.

b) Các sở, ngành, tổ chức và UBND cấp xã thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Kế hoạch; kịp thời phát hiện, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

c) Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; tổ chức các hội nghị giao ban, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả trong đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn

- *Ngân sách nhà nước*: Bố trí từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành. Việc bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch được lồng ghép với các chương trình, đề án, dự án có liên quan đến đào tạo nghề, giải quyết việc làm và phát triển nguồn nhân lực nông thôn nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực.

- *Nguồn xã hội hóa và các nguồn huy động hợp pháp khác*: Huy động sự tham gia, đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để hỗ trợ thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

2. Cơ chế quản lý và sử dụng

- Kinh phí thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn được phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định 32/2019/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 214/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan. Ưu tiên đặt hàng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đủ năng lực, uy tín, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động và cam kết giải quyết việc làm cho người học sau đào tạo.

- Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch; thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; là cơ quan đầu mối theo dõi, tổng hợp, đôn đốc, kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh và chủ trì thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn hàng năm và giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, các đơn vị khác có tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Chủ trì tổ chức điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn; rà soát, cập nhật danh mục ngành, nghề đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Xây dựng, rà soát và cập nhật danh mục ngành, nghề đào tạo cho lao động nông thôn; xác định nhu cầu học nghề của lao động nông thôn theo từng nghề, khu vực, cấp trình độ.

b) Chỉ đạo các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong đào tạo nghề.

c) Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trong tổ chức đào tạo và giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo.

d) Chủ trì hoặc phối hợp triển khai các chương trình hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

đ) Tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và các bộ, ngành Trung ương về kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Hội Nông dân, các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND cấp xã hướng dẫn triển khai thực hiện đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp để hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tri thức, tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu về xây dựng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung, ưu tiên cho lao động trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo.

b) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát, bổ sung và xây dựng danh mục về đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp.

c) Phối hợp với các địa phương khảo sát, dự báo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn; rà soát, cập nhật danh mục ngành, nghề đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

d) Phối hợp với các cơ quan truyền thông, báo, đài truyền hình tổ chức tuyên truyền về chủ trương, chính sách, các mô hình đào tạo nghề nông nghiệp có hiệu quả để tổ chức nhân rộng.

đ) Tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp, đào tạo phát triển ngành nghề nông thôn cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh hàng năm. Tổng hợp kế hoạch, nhu cầu đào tạo, nhu cầu kinh phí hàng năm và từng giai đoạn về đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn báo cáo UBND tỉnh, Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.

3. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thu thập, cập nhật, tổng hợp và phân tích thông tin thị trường lao động; cung cấp thông tin về nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, xu hướng phát triển của thị trường lao động nhằm phục vụ công tác định hướng đào tạo nghề.

b) Tổ chức các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối cung – cầu lao động; hỗ trợ người lao động sau đào tạo nghề tiếp cận cơ hội việc làm phù hợp.

c) Phối hợp, đánh giá hiệu quả giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo nghề để đề xuất các giải pháp gắn kết đào tạo với thực tiễn.

d) Phối hợp tổ chức điều tra, dự báo nhu cầu nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Sở Dân tộc và Tôn giáo

a) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành, địa phương liên quan triển khai các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với thực

hiện các chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học nghề, nâng cao kỹ năng nghề, góp phần tạo việc làm, cải thiện sinh kế và nâng cao thu nhập.

c) Tham gia rà soát, đề xuất nhu cầu đào tạo nghề cho lao động là người dân tộc thiểu số phù hợp với điều kiện, đặc điểm văn hóa, phong tục tập quán và nhu cầu phát triển kinh tế của từng địa phương.

d) Phối hợp theo dõi, giám sát việc triển khai các chính sách đào tạo nghề cho lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện theo quy định.

5. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước theo khả năng cân đối của ngân sách để triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

b) Phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng và thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

6. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các sở, ngành, địa phương chỉ đạo các cơ quan truyền thông, báo chí tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về vai trò, vị trí, nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của các cấp, ngành, đoàn thể, nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn; đồng thời chỉ đạo các cơ quan phát thanh, truyền hình, báo chí của địa phương xây dựng, duy trì chuyên mục tuyên truyền chuyên sâu về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với phát triển thương hiệu hàng hóa và triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị – xã hội

a) Phối hợp với các sở, ngành, địa phương tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân, đặc biệt là lao động nông thôn tích cực tham gia học nghề, nâng cao kỹ năng nghề, chuyển đổi nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

b) Phối hợp triển khai các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, tạo việc làm cho đoàn viên, hội viên sau đào tạo nghề; tham gia giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

8. UBND các xã, phường, đặc khu

a) Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn hàng năm và giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn phù hợp với nhu cầu của địa phương.

b) Tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp; đề xuất danh mục ngành, nghề đào tạo phù hợp.

c) Phối hợp với các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại địa phương; tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia học nghề.

d) Tăng cường tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn sau đào tạo.

đ) Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn.

9. Các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh

a) Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo; đổi mới phương pháp giảng dạy; nâng cao chất lượng đào tạo.

b) Tăng cường liên kết với doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất kinh doanh trong tổ chức đào tạo, thực tập và giải quyết việc làm cho người học sau đào tạo.

c) Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số, khoa học – công nghệ trong quản lý đào tạo và giảng dạy; phát triển học liệu số, tổ chức các hình thức đào tạo linh hoạt, kết hợp trực tiếp và trực tuyến phù hợp điều kiện thực tế.

d) Tham gia xây dựng, cung cấp thông tin cho cơ sở dữ liệu đào tạo, việc làm và thị trường lao động của tỉnh; định kỳ báo cáo kết quả đào tạo, tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp theo quy định.

đ) Chủ động phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành, địa phương liên quan trong việc đề xuất nhu cầu đầu tư, đặt hàng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

e) Thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo quy định; tăng cường công tác quản lý, hỗ trợ học tập, giảm tỷ lệ bỏ học, nâng cao tỷ lệ hoàn thành khóa học và có việc làm sau đào tạo.

g) Căn cứ nội dung Kế hoạch, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của đơn vị; tăng cường phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và doanh nghiệp trong quá trình tổ chức thực hiện; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

VII. CÔNG TÁC BÁO CÁO

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ

06 tháng (**trước ngày 15/6**) và hằng năm (**trước ngày 15/12**) báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh; định kỳ hàng năm hoặc khi có yêu cầu, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình “Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Yêu cầu các sở, ngành, các tổ chức, UBND cấp xã, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (thông qua Sở Giáo dục và Đào tạo) để xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành,
UBMTTQ Việt Nam tỉnh,
Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- VPUB: CVP, PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX._{BNT}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Ngọc

PHỤ LỤC
NHIỆM VỤ CỤ THỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
1	Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo nghề, mở các khóa đào tạo	UBND xã, phường, đặc khu/các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các cơ quan, tổ chức liên quan	Hàng năm (giai đoạn 2026-2030)	Văn bản
2	Rà soát, cập nhật danh mục ngành, nghề đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo/Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nội vụ/Sở Tư pháp/Sở Tài chính và các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Văn bản
3	Tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của người dân	Sở Giáo dục và Đào tạo/UBND xã, phường, đặc khu	Các sở, ban, ngành; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các cơ quan, tổ chức liên quan	Hàng năm	Văn bản
4	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ	Sở Giáo dục và Đào tạo/Sở Nông nghiệp và Môi trường/UBND xã, phường, đặc khu	Các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các cơ quan, tổ chức liên quan	Báo cáo 6 tháng trước ngày 15/6 hàng năm; Báo cáo năm trước ngày 15/12 hàng năm; Báo cáo đột xuất	Văn bản
5	Kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch	Sở Giáo dục và Đào tạo/Sở Nông nghiệp và Môi trường/UBND xã, phường, đặc khu	Các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các cơ quan, tổ chức liên quan	Hàng năm, cuối giai đoạn	Văn bản

